

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

---* * * *---



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ NĂM 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà
- Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1400696545 do sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 13/6/2017.
- Vốn điều lệ: 52.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 272 Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh
- Điện thoại : 02773 855 622 - Fax: 02773 851 457
- Website : dulichmytra.com.vn
- Mã cổ phiếu: MTH.ORS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Nền kinh tế Việt Nam đang có những bước tăng trưởng đáng kể. Bên cạnh sự đổi mới sâu sắc của nền kinh tế thị trường thì sự phát triển về văn hóa, xã hội, du lịch cũng là một xu thế mới đã giành được rất nhiều sự quan tâm của khách hàng.

Do đời sống kinh tế của người dân ngày càng được nâng lên, nên nhu cầu về ẩm thực, tham quan, du lịch cũng tăng theo. Chính vì vậy nhiều nhà hàng – khách sạn đã được xây dựng thương hiệu để phục vụ cho nhu cầu người dân hiện nay.

Nắm bắt được xu thế đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà tiến hành xây dựng và phát triển Nhà hàng – khách sạn. Trước đây, Công ty có tên là Khu du lịch Mỹ Trà, trực thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp. Đến ngày 01/01/2009 Công ty đã chuyển sang hình thức Cổ phần.

Công ty Cổ phần Khách sạn Mỹ Trà được thành lập theo quyết định số 999/UD-UBND-HC ngày 16/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 01/2013 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:*
- + Kinh doanh nhà hàng, khách sạn
- + Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh du lịch khách (khu vui chơi giải trí)



+ Dịch vụ massage

+ Vận chuyển hành khách theo hợp đồng

Trong đó: dịch vụ nhà hàng – khách sạn doanh thu chiếm 80% tổng doanh thu 2 năm gần nhất:

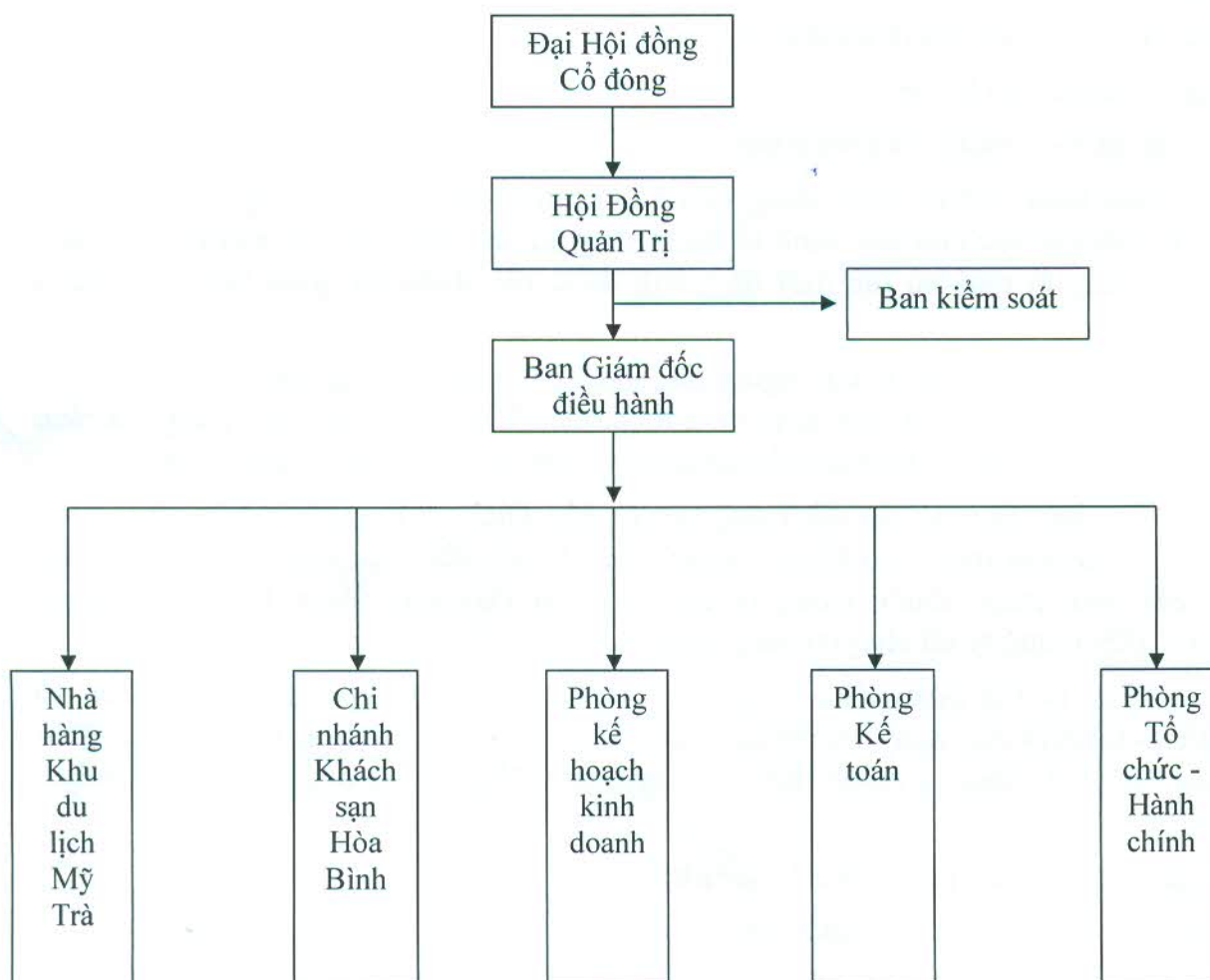
Năm 2017: 40.625 triệu đồng đạt 119% so với kế hoạch (34 tỷ)

Năm 2018: 35.855 triệu đồng đạt 105% so với kế hoạch (34 tỷ)

- Địa bàn kinh doanh: tập trung hoạt động kinh doanh trên địa bàn TP Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Doanh thu dịch vụ nhà hàng – khách sạn chiếm 80% số liệu doanh thu đã nêu ở mục I.2

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Định hướng phát triển:

- Công ty tiếp tục tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp Nhà hàng – khách sạn, tổ chức tiệc cưới, hội nghị và tổ chức sự kiện trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, đa dạng hóa thêm các sản phẩm dịch vụ đặc thù riêng ở đơn vị.

- Trong kinh doanh dịch vụ lữ hành thực hiện chiến lược phát triển thị trường. phát triển sản phẩm, gia tăng thị phần khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch nội địa, tăng cường quảng bá và xây dựng thương hiệu, xây dựng những chương trình tour phục vụ khép kín, kéo dài thời gian lưu trú của du khách đến Công ty bằng nhiều chương trình du lịch hấp dẫn, kết hợp tham quan các di tích lịch sử văn hóa; du lịch sinh thái, du lịch tâm linh... Quy hoạch có hệ thống để khai thác sử dụng tối đa diện tích đất hiện có nhằm phục vụ tốt nhất cho nhu cầu du khách, thông qua việc đầu tư xây dựng và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị của Nhà hàng – khách sạn có kế hoạch để thay thế đảm bảo đủ tiêu chuẩn 3 sao và 2 sao.

- Nâng cao và tạo điều kiện cho đội ngũ phục vụ học tập kinh nghiệm trong và ngoài Tỉnh.

- Thường xuyên tạo cảnh quan sinh thái tại Khu du lịch Mỹ Trà mang đậm nét Văn hóa truyền thống Nam bộ.

- Phát huy ẩm thực dân gian truyền thống, đồng thời thường xuyên bổ sung các món ăn mới lạ để phục vụ du khách trong và ngoài tỉnh.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh Nhà hàng khách sạn, Lữ hành nội địa và các dịch vụ khác... Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần vật chất của người dân và ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu dịch vụ do Công ty cung cấp.

- Rủi ro về biến động của giá cả hàng hòa và đối thủ cạnh tranh:

Do tính chất đặc thù của ngành nghề nên các mặt hàng để cung cấp cho nhà hàng khách sạn thường biến động vào những ngày nghỉ, Lễ, Tết và mùa cưới hỏi. Bên cạnh đó các cơ sở tư nhân mở ra ngày càng nhiều kéo theo các dịch vụ ăn uống lưu động cạnh tranh về giá và các chính sách hậu mãi ngày càng đa dạng. Đây là một trong những rủi ro làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để quản lý tốt, phải có chính sách hậu mãi kịp thời, các dịch vụ phong phú. Đồng thời theo dõi và kiểm tra các thông tin về giá cả thị trường để làm tốt công tác quản lý hàng hóa đầu vào và đầu ra một cách hiệu quả.

11/4/2011

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh:

Tình hình kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn tương đối ổn định. Lượng khách đến sử dụng dịch vụ vẫn duy trì. Các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt so với nghị quyết Đại hội Cổ đông đã đề ra

- Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2018 như sau:

+ Doanh thu: 35.855.152.588 đồng, vượt 5% so với kế hoạch (34 tỷ), giảm 11% so với cùng kỳ năm 2017;

Trong đó:

. Lữ hành: 2.848.359.462 đồng

. Nhà hàng: 23.564.478.636 đồng

. Khách sạn: 8.255.073.639 đồng

. Thu khác: 1.187.240.851 đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 2.046.988.160 đồng vượt 2% so với kế hoạch (2 tỷ), giảm 29% so với cùng kỳ 2017.

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.602.490.528 đồng đạt 100% so với kế hoạch (1,6 tỷ), giảm 30% so với cùng kỳ 2017.

+ Dự kiến chi cổ tức 2018: 1%/năm/1 cổ phiếu.

+ Đã nộp ngân sách nhà nước: 3,095 tỷ.

Nhìn chung kết quả kinh doanh năm 2018 các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đạt so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đã đề ra. Công tác quản lý hiệu quả vốn – tài sản được bảo tồn và phát triển tốt. Nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động. Có được những kết quả nêu trên nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ - CNVC lao động đã có nhiều cố gắng chung tay hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
I. Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Việt Khải	1978	Chủ tịch	Bổ nhiệm 15/04/2016

2	Trần Văn Hùng	1969	Thành viên	Bổ nhiệm 13/4/2015
3	Võ Hữu Nhạc	1965	Thành viên	Bổ nhiệm 01/9/2011
4	Huỳnh Anh Tuấn	1958	Thành viên	Bổ nhiệm 02/01/2013
5	Nguyễn Thị Lệ Hằng	1970	Thành viên	Bổ nhiệm 15/4/2016

II. Ban kiểm soát:

1	Phan Thị Tú Trinh	1987	Trưởng chuyên trách	BKS	Bổ nhiệm 15/4/2016
2	Lê Thị Phiến	1966	Thành viên	BKS	Bổ nhiệm 05/5/2011

● Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:

* Ông Nguyễn Viết Khái: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân pháp chế

- Quá trình công tác:

. Tháng 01/2005 – 01/2013: Cán bộ phòng Tổ chức – Hành chính quản trị Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex)

. Tháng 01/2013 – 07/2015: Phó Phòng Hành chính quản trị Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex).

. Tháng 07/2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

Cổ phần sở hữu: 2.000 cổ phần, chiếm 0,038% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Cổ phần đại diện: 1.717.208 cổ phần, chiếm 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

* Ông Trần Văn Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1969

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính – kinh tế

- Quá trình công tác:

. Tháng 03/1992 – 12/2000: Kế toán Công ty xí nghiệp in Đồng Tháp.

. Tháng 12/2000 – 12/2003: Kế toán Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp nay là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp.

. Tháng 12/2003 – 01/2015: Giám đốc chi nhánh trực thuộc Công ty TNHH MTV thương mại dầu khí Đồng Tháp nay là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp.



. Tháng 01/2015 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần DV du lịch Mỹ Trà.

- Số cổ phần nắm giữ:

Cổ phần sở hữu: không

Cổ phần đại diện: 1.287.960 cổ phần, chiếm 24,77% số cổ phần có quyền biểu quyết.

*** Ông Võ Hữu Nhạc – Thành viên HĐQT**

- Năm sinh: 1965

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

. 1982 – 1999: Tổ trưởng Tổ bàn Khách sạn Sông Trà trực thuộc Công ty Du lịch Đồng Tháp.

. 1999 – 2010: Giám đốc Khách sạn Hòa Bình, trực thuộc Công ty thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

. 2010 – 08/2011: Giám đốc Chi nhánh khách sạn Hòa Bình trực thuộc Công ty Cổ phần Khách sạn Mỹ Trà.

. 09/2011 – 09/2016: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

. 09/2016: Phó giám đốc Chi nhánh Khu du lịch Mỹ Trà.

- Số cổ phần nắm giữ:

Cổ phần sở hữu: 700 cổ phần, chiếm 0,019% số cổ phần có quyền biểu quyết.

*** Ông Huỳnh Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm P.Giám đốc Công ty**

- Năm sinh: 1958

- Trình độ chuyên môn: cử nhân luật

- Quá trình công tác:

. 2010 – 2012: Giám đốc Khu du lịch Bàu Dong trực thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại dầu khí Đồng Tháp.

. 2013 đến nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

- Số cổ phần nắm giữ:

Cổ phần sở hữu: 2.000 cổ phần, chiếm 0,038% số cổ phần có quyền biểu quyết.

*** Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Năm sinh: 05/5/1970

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

. 1999 đến nay: Phó phòng kế hoạch & Đầu tư Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

- Số cổ phần nắm giữ:

Cổ phần sở hữu: 2.000 cổ phần, chiếm 0,038% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Cổ phần đại diện: 858.640 cổ phần, chiếm 16,51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

● **Thành viên ban kiểm soát:**

* **Bà Phan Thị Tú Trinh – Trưởng ban kiểm soát chuyên trách**

- Năm sinh: 1987

- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

- Quá trình công tác:

.01/01/2009 – 01/7/2010: nhân viên thống kê, phòng kế hoạch đầu tư Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

.01/7/2010 – 01/01/2011: nhân viên kế toán khách sạn Hòa Bình trực thuộc Công ty Cổ phần khách sạn Mỹ Trà (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà)

.01/01/2011 – 15/4/2016: nhân viên thủ quỹ Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

.15/4/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

- Số cổ phần nắm giữ: không

* **Bà Lê Thị Phiến – Thành viên Ban kiểm soát:**

- Năm sinh: 1966

- Trình độ chuyên môn: cử nhân xã hội học.

- Quá trình công tác:

.01/4/1985-31/10/1988: công tác tại trường Công nhân kỹ thuật xây dựng tỉnh Đồng Tháp.

.01/11/1988-30/11/1989: công tác tại xí nghiệp 27/7 thuộc Sở lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp.

.01/01/2011 đến nay: Giám đốc tại Trung tâm công tác xã hội Bảo vệ trẻ em thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp.

- Số cổ phần nắm giữ:

Số cổ phần sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,096% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.2 Danh sách Ban điều hành:

Stt	Ban điều hành	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trần Văn Hùng	1969	Giám đốc	Bổ nhiệm 09/2/2015
2	Bà Võ Mai Ly	1965	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm 01/01/2011
3	Ông Huỳnh Anh Tuấn	1958	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm 02/01/2013
4	Bà Huỳnh Anh Thư	1987	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 22/08/2017

● Sơ yếu lý lịch ban điều hành

* Ông Trần Văn Hùng – Giám đốc Công ty

* Ông Huỳnh Anh Tuấn – Phó Giám đốc Công ty

(Lý lịch đã nêu mục II.2 tổ chức và nhân sự)

* Bà Võ Mai Ly – Phó giám đốc Công ty

- Họ và tên : Võ Mai Ly

- Ngày tháng năm sinh : 23/5/1965

- Trình độ chuyên môn : cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác

. 07/2000: Kế toán Khu du lịch Mỹ Trà trực thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp nay là Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp.

.06/2006: Phó giám đốc Khu du lịch Mỹ Trà trực thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

.01/2009: Phó giám đốc Công ty Cổ phần khách sạn Mỹ Trà nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

.05/2009: Phó giám đốc Khách sạn Hòa Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

.01/2011 đến nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

- Số cổ phiếu nắm giữ:

Cá nhân: 700 cổ phần, chiếm 0,013% của tổng vốn điều lệ.

* Bà Huỳnh Anh Thư – Kế toán trưởng Công ty

- Họ tên : Huỳnh Anh Thư

- Ngày tháng năm sinh : 01/5/1987

- Trình độ chuyên môn : Đại học kế toán

- Quá trình công tác

.02/2007 – 04/2011: nhân viên kế toán Công ty khách sạn Mỹ Trà nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

.05/2012 – 07/2012: Phụ trách kế toán chi nhánh Khu du lịch Mỹ Trà trực thuộc Công ty.

.08/2012-07/2015: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

.08/2015 – 10/2016: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

.11/2016-21/8/2017: Quyền kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

.22/8/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà.

- Số cổ phần nắm giữ: không

2.3 Những thay đổi năm 2018:

Năm qua tình hình kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn đi vào ổn định, các chỉ tiêu dịch vụ nhà hàng khách sạn đều đạt so với kế hoạch đề ra.

Các hoạt động phong trào thi đua, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, thi đua thực hành tiết kiệm và giảm chi phí cho đơn vị đã góp phần mang lại hiệu quả thiết thực.

2.4 Số lượng lao động và chính sách đối với người lao động:

Tình hình tổ chức nhân sự biên chế chính thức đến 31/12/2018 là 99 người (64 nữ), giảm 05 người so với cùng kỳ năm 2017.

- Chính sách đối với người lao động:

Công ty tiếp tục duy trì tham gia các chế độ bảo hiểm cho người lao động (BHYT, BHXH, BH tai nạn và BH thất nghiệp). Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ các chế độ lễ, tết hàng năm cho người lao động và các khoản trợ cấp, thăm hỏi (ốm đau, thai sản, hiếu hỷ, tử tuất...) theo TULĐTT đã ký kết hàng năm giữa người lao động và người sử dụng lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho người lao động trực tiếp & khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y Tế.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

b. Các Công ty con, Công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính



Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	59.976.037.770	60.738.913.527	+1%
Doanh thu thuần	40.615.897.105	35.855.152.588	-11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.905.966.729	1.748.959.598	-40%
Lợi nhuận khác	(30.376.000)	298.028.562	-
Lợi nhuận trước thuế	2.875.590.729	2.046.988.160	-29%
Lợi nhuận sau thuế	2.289.111.082	1.602.490.528	-30%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1%	1%	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.8%	3	
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.74%	3	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	7.5%	7.5%	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	8.15%	8.08%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	152	147	
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	67%	58%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5.69%	4.5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	4.13%	2.9%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3.82%	2.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7.22%	5%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần: tại thời điểm 31/12/2018

- Tổng số cổ phiếu phát hành: 5.200.000 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.165.000 cổ phiếu

- Số cổ phiếu được tự do chuyển nhượng: 263.500 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 4.901.500 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 35.000 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông: (tính đến ngày 31/12/2018)

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu			Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)
		Tự chuyển nhượng	do Hạn chế chuyển nhượng	ché		
I	Cổ đông nhà nước	-	4.463.200		4.463.200	85,83
II	Cổ đông nội bộ	17.700	-		17.700	0,34
III	Cổ đông trong nước	245.800	438.300		684.100	13,15
	- Cá nhân	245.800	438.300		684.100	13,15
	- Tổ chức	-	-		-	-
IV	Cổ đông nước ngoài	-	-		-	-
V	Cổ phiếu quỹ	-	-		35.000	0,67
	Tổng cộng	263.500	4.901.500		5.200.000	100%

*** Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: (tính đến 31/12/2018)**

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp	4.293.200	82,56%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của Nhà hàng khách sạn nên Công ty không sử dụng để sản xuất và đóng gói cho các loại sản phẩm.

b) Báo cáo tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty không sử dụng.



6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

Bình quân trong năm Công ty sử dụng ĐNTT 250.000 KW/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Công ty tiếp tục duy trì cử các bộ phận kỹ thuật điện ở đơn vị thường xuyên kiểm tra các thiết bị và sử dụng thiết bị có tính năng tiết kiệm điện. Nhắc nhở các bộ phận khi rời vị trí làm việc phải kiểm tra và tắt các thiết bị điện trước khi ra về.

6.3 Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Công ty sử dụng mạch nước ngầm.

- Lượng nước sử dụng bình quân trong năm khoảng: 14.000 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Tổng lượng nước tái sử dụng 25% (2.350 m³) để tưới cây.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Không để xảy ra các vi phạm về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm đạt: 5.700.000 đồng/người/tháng bằng so với cùng kỳ 2017

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc, từng cá nhân và tập thể nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nội quy, quy chế và đoàn kết nội bộ. Công khai minh bạch, tạo môi trường bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động, ngày càng có mối quan hệ tốt hơn, gần gũi hơn. Góp phần thực hiện đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm. Việc trang bị bảo hộ lao động được trang bị phù hợp theo điều kiện làm việc và ngành nghề kinh doanh của Công ty. Duy trì thực hiện tham gia các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo quy định của Nhà nước và tổ chức khám sức khỏe định kỳ trong năm cho người lao động trực tiếp về khám sức khỏe nghề nghiệp theo quy định của Bộ Y Tế.

- Ngoài ra CĐCS phối hợp với chính quyền tổ chức thăm hỏi cho người lao động như: ốm đau, thai sản, hiếu hỷ... theo quy định.

- Công tác khen thưởng:

Công tác thi đua khen thưởng đã góp phần khích lệ sự phấn đấu vươn lên của người lao động. Tổng kết phong trào thi đua năm 2018 có nhiều cá nhân và tập thể được Công ty khen thưởng như sau:

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 16 cá nhân

+ Danh hiệu lao động tiên tiến: 98 cá nhân

+ Cá nhân đạt danh hiệu bằng khen UB Tỉnh: 05 cá nhân

+ Tập thể lao động xuất sắc: 05 tập thể

+ 2 tập thể đạt danh hiệu bằng khen UB Tỉnh

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty luôn quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ phục vụ trực tiếp ở nhà hàng- khách sạn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ nâng cao kỹ năng giao tiếp phục vụ mang tính chuyên nghiệp với phương châm “Nơi mang đến sự hài lòng”. Ngoài ra Công ty tổ chức cho 100% người lao động đi học tập kinh nghiệm kết hợp với nghỉ dưỡng tại Đà Lạt - Bình Thuận.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty chấp hành nghiêm chỉnh những chủ trương, chính sách do Chính quyền địa phương phát động. Ngoài ra Công ty còn phối hợp với các đoàn thể tham gia thực hiện công tác an sinh xã hội ngay địa phương của mình.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả kinh doanh:

Tình hình kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn có nhiều khởi sắc. Lượng khách đến sử dụng dịch vụ vẫn duy trì ổn định và phát triển tốt. Các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt so với nghị quyết Đại hội cổ đông đã đề ra trong năm 2018. Tuy nhiên Công ty còn gặp không ít những khó khăn và thuận lợi sau:

* Thuận lợi:

- Cơ sở vật chất được đầu tư cơ bản hoàn chỉnh. Khu vực sân vườn với không gian xanh mát được trang trí nhiều cây cảnh tạo vẻ mỹ quan đẹp mắt thu hút nhiều khách hàng.

- Là một trong những đơn vị kinh doanh Nhà hàng – khách sạn có vị trí nằm ngay trung tâm Thành phố, rộng rãi, thoáng mát, phục vụ tốt cho các tiệc cưới, liên hoan, sinh nhật...



- Phong cách phục vụ của đội ngũ nhân viên ngày càng có kinh nghiệm và tâm huyết với Công ty.

* Khó khăn:

- Công ty tiếp tục gặp không ít khó khăn khi sự cạnh tranh chính sách giá các dịch vụ nhà hàng – khách sạn của các cơ sở tư nhân, nhất là dịch vụ nấu ăn lưu động đang được mở ra khắp nơi trên địa bàn TP Cao Lãnh. Họ áp dụng thuế khoán nên giảm giá linh hoạt hơn về khuyến mãi, hoa hồng... làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- Tuy đội ngũ nhân viên phục vụ đều đã qua đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ nhưng đa phần đã lớn tuổi, có độ tuổi và trình độ chưa đồng đều. Bên cạnh đó nhân viên phục vụ mới ít kinh nghiệm làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ đối với khách hàng nhất là những khách hàng khó tính.

2. Thực hiện sản xuất kinh doanh 2018:

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu KH	Thực hiện		So KH (%)	So cùng kỳ (%)
			Năm 2018	Năm 2017		
1.	Doanh thu	34.000	35.855	40.625	105%	-12%
	Lữ hành	3.000	2.848	3.721	95%	-23%
	Nhà hàng	31.000	23.564	26.092	103%	-9,6%
	Khách sạn		8.255	10.019		
	Cho thuê..	-	378	355	-	-
	Thu khác	-	808	438	-	-
2	Lợi nhuận trước thuế	2.000	2.047	2.875	102%	-29%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.600	1.602	2.289	100%	-30%
4	Chi cổ tức	1%	1%	1%	-	-
5	Thu nhập BQ NLD	5	5,7	5,7	114%	100%
6	Nộp ngân sách	-	3.095	3.500	-	-11%

* Chỉ tiêu cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện		Lũy kế so KH (%)	Tăng, giảm so cùng kỳ
		Năm 2018	Năm 2017		
I- KDL Mỹ Trà:		14.759	15.738	98%	-979
1	Nhà hàng	12.014	12.746		-732

2	Khách sạn	2.717	2.331		+386
3	Thu khác	28	660		-632
II- Hòa Bình		17.460	20.236	103%	-2.776
1	Nhà hàng	11.550	13.176		-1.626
2	Khách sạn	5.538	6.761		-1.223
3	Thu khác	372	298		+74
III- Phòng KH-KD		2.855	3.775	95%	-920
1	Lữ hành	2.254	3.721		-1.467
2	HH vé máy bay	595	13		-
3	Cho thuê tài sản	6	41		-35

*** Lượng khách nghỉ phòng:**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng, giảm cùng kỳ (%)
I. KDL Mỹ Trà				
Nhà hàng				
	Lượt khách	99.898	90.008	+11%
Khách sạn				
1	Khách đoàn	7.760	6.789	+14%
2	Vãng lai	3.296	6.072	-46%
3	Công suất sử dụng cả năm	36%	37%	-3%
4	Tổng số phòng cho thuê cả năm	6023	6.954	-13%
5	BQ cho thuê phòng trong ngày	16P	19P	-16%
II. Hòa Bình				
Nhà hàng				
	Lượt khách	51.102	68.982	-26%
Khách sạn				
1	Khách đoàn	11.381	8.262	+38%
2	Vãng lai	11.852	17.530	-32%
3	Công suất sử dụng cả năm	54%	61%	-11%
4	Tổng số phòng cho thuê cả năm	11.474	13.214	-13%
5	BQ cho thuê phòng trong ngày	31P	36P	-14%
III. Lữ hành				

Lượt khách	1.034	525	+97%
------------	-------	-----	------

*** Nhận xét:**

Nhìn chung kết quả kinh doanh năm 2018 các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đạt so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đã đề ra. Công tác quản lý hiệu quả vốn – tài sản được bảo tồn và phát triển tốt. Nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động. Có được những kết quả nêu trên là nhờ sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của toàn thể cán bộ - CNVC lao động trong Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*** Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Năm qua Công ty duy trì thực hiện tham gia các kỳ hội chợ trong và ngoài Tỉnh, góp phần đưa những sản phẩm dịch vụ đến với du khách gần xa. Phong trào thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật luôn được Giám đốc quan tâm, nhiều sáng kiến như: món ăn mới, tiết kiệm chi phí hàng hóa đầu vào nhà hàng- khách sạn, Công tác bảo quản công cụ dụng cụ... qua đó góp phần mang lại những hiệu quả thiết thực cho đơn vị.

2. Tình hình tài sản:

a. Tình hình tài sản:

Tài sản	Năm 2018		Năm 2017		Chênh lệch giá trị	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Mức tăng	Tỷ lệ +/- %
A. Tài sản ngắn hạn	13.613.877.569		11.541.088.229		2.072.789.340	18
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.607.240.742		2.327.461.399		(720.220.657)	-31
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000.000.000		6.700.000.000		1.300.000.000	+19
3. Các khoản phải thu	3.827.346.610		2.290.911.729		1.536.434.881	+67
4. Hàng tồn kho	165.013.983		199.101.989		(34.088.006)	-17
5. Tài sản ngắn hạn khác	14.276.234		23.613.112		(9.336.878)	-40
B. Tài sản dài hạn	47.125.035.958		48.434.949.541		(1.309.913.583)	-3
1. Tài sản cố định	45.966.892.288		47.008.859.358		(1.041.967.070)	-2
- TSCĐHH	12.296.647.288		13.338.614.358		(1.041.967.070)	-8
-TSCĐVH	33.670.245.000		33.670.245.000		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	1.093.143.670		1.426.090.183		(332.946.513)	-23
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	60.738.913.527		59.976.037.770		762.875.757	+1

b. Tình hình nợ phải trả:

	Năm 2018		Năm 2017		Chênh lệch giá trị	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Mức tăng	Tỷ lệ +/- %
I. Nợ ngắn hạn	4.467.439.329		4.120.084.992		347.354.337	8
1. Phải trả người bán	1.130.045.900		321.779.300		808.266.600	251
2. Người mua trả tiền trước	387.264.263		207.904.000		179.360.263	86
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	287.897.908		403.329.837		(115.431.929)	-29
4. Phải trả người lao động	2.517.194.806		2.508.123.801		9.071.005	-
5. Vay và nợ thuê tài chính	-		86.604.000		(86.604.000)	-100
6. Các khoản phải trả khác	145.036.452		592.344.054		(447.307.602)	-76
II. Nợ dài hạn	73.400.000		400.503.000		(327.103.000)	-82
1. Vay và nợ thuê tài chính	-		137.103.000		(137.103.000)	-
2. Phải trả khác	73.400.000		263.400.000		(190.000.000)	-72
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	4.540.839.329		4.520.587.992		20.251.337	-

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công tác tổ chức luôn sắp xếp tinh gọn, góp phần tăng năng suất lao động của từng cá nhân phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, thể hiện tính năng động, sáng tạo của từng người. Qua đó, hàng quý ở từng bộ phận họp nhận xét đánh giá xếp loại ABC. Từ đó Công ty có chính sách khen thưởng động viên những cá nhân và tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Để tìm ra những cách làm hay mang lại hiệu quả thiết thực cho đơn vị, đồng thời để kịp thời chấn chỉnh những mặt hạn chế các dịch vụ khi khách phản nản nhằm nâng cao, cải tiến chất lượng dịch vụ đưa thương hiệu Công ty ngày một phát triển.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Trong kinh doanh dịch vụ du lịch, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thị trường, phân loại thị trường để tập trung vào đối tượng khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng.
- Xây dựng các tour tuyến mới như: du lịch với thiên nhiên, khám phá...
- Tiếp tục tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp Nhà hàng – khách sạn hiện có và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, thường xuyên đưa vào thực đơn nhà hàng những món ăn mới đặc thù riêng của từng đơn vị để tạo nên những nét mới cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn thực hiện và tuân thủ những quy định của Nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm qua Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm ở địa phương: tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm qua tình hình kinh doanh của Công ty gặp không ít khó khăn trong lĩnh vực nhà hàng – khách sạn cùng với sự cạnh tranh về giá cả đã gây ra nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty trong việc giám sát và điều hành đã kịp thời đưa ra những giải pháp kinh doanh hợp lý cùng với sự chung tay nỗ lực của tập thể cán bộ CNVC lao động phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu do Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra trong năm.

- Doanh thu: 35.855.152.588 đồng, vượt 5% so với kế hoạch (34 tỷ), giảm 11% so với cùng kỳ năm 2017;

+ Lợi nhuận trước thuế: 2.046.988.160 đồng vượt 2% so với kế hoạch (2 tỷ), giảm 29% so với cùng kỳ 2017.

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.602.490.528 đồng đạt 100% so với kế hoạch (1,6 tỷ), giảm 30% so với cùng kỳ 2017.

+ Dự kiến chi cổ tức 2018: 1%/năm/1 cổ phiếu.

+ Đã nộp ngân sách nhà nước: 3,095 tỷ.

- Thu nhập bình quân người lao động: 5.700.000 đồng/người/tháng tương đương so với cùng kỳ 2017.

- Về công tác tổ chức quản lý:

Công tác thay đổi cán bộ quản lý và lãnh đạo các bộ phận để phù hợp với định hướng hoạt động chung của Công ty.

- Về công tác sản xuất:

Công ty quan tâm quan tâm chất lượng dịch vụ là mục tiêu hàng đầu, vì vậy các sản phẩm dịch vụ được kiểm tra, giám sát nhắc nhở các bộ phận lao động trực tiếp thực hiện đúng quy trình làm việc. Đặc biệt dịch vụ nhà hàng tuyệt đối đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.

- Về nghiên cứu sản phẩm:

Công ty không ngừng đổi mới những món ăn và nâng cao chất lượng sản phẩm để đưa vào thực đơn phục vụ khách phù hợp với vùng Đồng Tháp và vùng miền khác, đảm bảo sức khỏe và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Về phát triển thị trường:

Công ty tiếp tục xây dựng, duy trì quảng bá thương hiệu trong và ngoài tỉnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

Để thực hiện ngay sau Đại hội cổ đông thường niên 2018, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã họp triển khai các nội dung nghị quyết của Đại hội, giao cho Ban điều hành thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp giữa HĐQT và Ban giám đốc đã kịp thời giải quyết đề xuất những giải pháp và kiến nghị trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị. Từ đó mà Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên và HĐQT được Ban giám đốc thực hiện kịp thời theo đúng chức năng và quyền hạn đã quy định.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Tập trung các nội dung như sau:

- Quy hoạch có hệ thống để khai thác tối đa diện tích đất hiện có nhằm phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của du khách, thông qua việc đầu tư xây dựng và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục rà soát lại toàn bộ các trang thiết bị của Nhà hàng – khách sạn có kế hoạch nâng cấp, thay thế đảm bảo đủ tiêu chuẩn 2 sao và 3 sao.
- Phối hợp liên kết chặt chẽ với các khu điểm du lịch của Đồng Tháp trong việc quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch bằng nhiều hình thức khác nhau.
- Tham gia các chương trình xúc tiến du lịch của Tỉnh nhằm quảng bá sản phẩm và hình ảnh của Đồng Tháp ra ngoài Tỉnh.

V. Báo cáo tài chính

(Đính kèm báo cáo) 

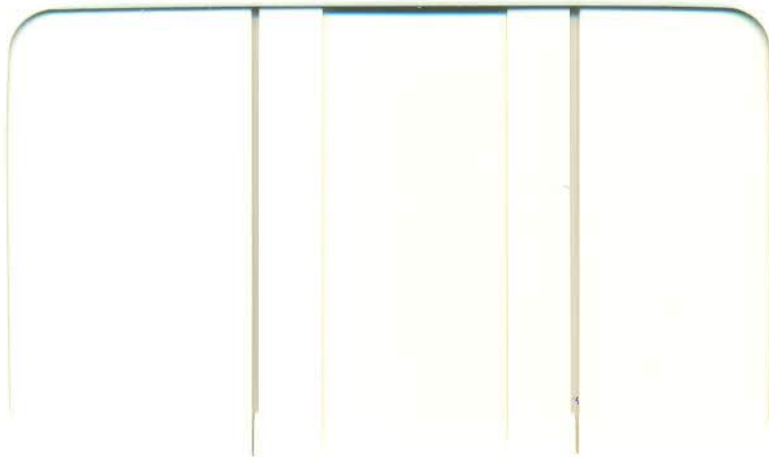




Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 34

QUẢN
CỔ
ÁCHN
KIỂM
FC V
CHI
C
PÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1400696545 ngày 26 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 04 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 0277 3 855 622
- Fax : 0277 3 851 457

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, kinh doanh dịch vụ du lịch khác;
- Đại lý bán vé máy bay.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Việt Khải	Chủ tịch	Ngày 15 tháng 04 năm 2016
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	Ngày 13 tháng 04 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên	Ngày 15 tháng 04 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Bà Phan Thị Tú Trinh	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 04 năm 2016
Bà Lê Thị Phiến	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Trần Văn Hùng	Giám đốc	Ngày 09 tháng 02 năm 2015
Ông Võ Hữu Nhac	Phó Giám đốc	Ngày 09 tháng 02 năm 2015
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 11 năm 2013
Bà Võ Mai Ly	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2011

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Trần Văn Hùng	Giám đốc	Ngày 04 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN VIỆT KHÁI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Tháp, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Số: 050/2019/BCKT-CT.00092

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.613.877.569	11.541.088.229
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.607.240.742	2.327.461.399
Tiền	111		1.607.240.742	1.527.461.399
Các khoản tương đương tiền	112		-	800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	6.700.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	8.000.000.000	6.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.827.346.610	2.290.911.729
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.286.748.093	2.771.363.675
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.019.411.300	44.761.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	473.613.894	479.188.394
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(952.426.677)	(1.004.401.340)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		165.013.983	199.101.989
Hàng tồn kho	141	5.7	165.013.983	199.101.989
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.276.234	23.613.112
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	14.205.664	21.381.045
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	70.570	2.232.067
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.125.035.958	48.434.949.541
Các khoản phải thu dài hạn	210		65.000.000	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		65.000.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		45.966.892.288	47.008.859.358
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	12.296.647.288	13.338.614.358
Nguyên giá	222		21.210.302.173	21.210.302.173
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.913.654.885)	(7.871.687.815)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	33.670.245.000	33.670.245.000
Nguyên giá	228		33.710.245.000	33.710.245.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		114.090.910	54.545.455
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		114.090.910	54.545.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		979.052.760	1.371.544.728
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	979.052.760	1.352.704.728
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	18.840.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.738.913.527	59.976.037.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.540.839.329	4.520.587.992
Nợ ngắn hạn	310		4.467.439.329	4.120.084.992
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.130.045.900	321.779.300
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	387.264.263	207.904.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	287.897.908	403.329.837
Phải trả người lao động	314		2.517.194.806	2.508.123.801
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	30.000.000	149.255.200
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	83.534.370	418.328.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	-	86.604.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	31.502.082	24.760.354
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		73.400.000	400.503.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	73.400.000	263.400.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	-	137.103.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

995-6
 NG TY
 HỮU
 TOÁN
 T N
 NHAN
 N THO
 3-TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.198.074.198	55.455.449.778
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	56.198.074.198	55.455.449.778
Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		234.060.200	234.060.200
Cổ phiếu quỹ	415		(360.000.000)	(360.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.610.372.685	1.267.006.023
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.713.641.313	2.314.383.555
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			-	-
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.111.150.785	25.272.473
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.602.490.528	2.289.111.082
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.738.913.527	59.976.037.770



HUỲNH ANH THƯ

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



TRẦN VĂN HÙNG

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BAO CAO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	35.080.473.010	40.204.222.980
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.080.473.010	40.204.222.980
Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.867.012.598	29.746.312.876
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.213.460.412	10.457.910.104
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	462.675.607	411.674.125
Chi phí tài chính	22	6.4	12.830.386	32.041.452
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	2.292.725.467	2.929.272.811
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.621.620.568	5.002.303.237
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.748.959.598	2.905.966.729
Thu nhập khác	31	6.7	312.003.971	9.624.000
Chi phí khác	32	6.8	13.975.409	40.000.000
Lợi nhuận khác	40		298.028.562	(30.376.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.046.988.160	2.875.590.729
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	425.657.632	586.479.647
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		18.840.000	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.602.490.528	2.289.111.082
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	123	153



HUỖNH ANH THƯ
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



TRẦN VĂN HÙNG
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 04 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.046.988.160	2.875.590.729
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.041.967.070	990.110.240
Các khoản dự phòng	03		(51.974.663)	110.426.961
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(462.675.607)	(411.674.125)
Chi phí lãi vay	06		12.830.386	32.041.452
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		2.587.135.346	3.596.495.257
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.547.298.721)	(1.452.683.391)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.088.006	(8.168.978)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		179.433.668	1.351.979.682
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		380.827.349	394.988.163
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.830.386)	(32.041.452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(470.629.691)	(524.461.421)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(233.869.380)	(77.983.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		916.856.191	3.248.124.860
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(59.545.455)	(892.415.001)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.500.000.000)	(4.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.200.000.000	2.845.894.964
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		462.675.607	411.674.125
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(896.869.848)	(2.534.845.912)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(223.707.000)	(86.604.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(516.500.000)	(516.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(740.207.000)	(603.104.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(720.220.657)	110.174.948
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.327.461.399	2.217.286.451
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.607.240.742	2.327.461.399



HUỖNH ANH THƯ

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



TRẦN VĂN HÙNG

Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty dịch vụ nhà hàng, khách sạn

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, kinh doanh dịch vụ du lịch khác;
- Đại lý bán vé máy bay;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 99 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 104 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

1995.
NG T
HỆM H
4 TOÁ
IỆT I
NHÁI
N THC
-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

4.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	10 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3300
TRÁCI
KI
AFC
CH
C
RÀA

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

4899X
CÔNG
NHIỆM
KẾ TOÁN
VIỆT
NHÀ
AN TH
G-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

002
Y
TU HAN
N
NAM
VH
CÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	12.372.287	28.977.255
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.516.888.455	1.423.964.144
Tiền đang chuyển	77.980.000	74.520.000
Các khoản tương đương tiền	-	800.000.000
	1.607.240.742	2.327.461.399

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	6.700.000.000	6.700.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000	6.700.000.000	6.700.000.000

(*) Đây là giá trị của các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với mức lãi suất từ 7,15%/năm đến 7,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	76.991.000	39.710.000
Phải thu các khách hàng khác		
Đội bóng tỉnh Đồng Tháp	459.851.000	468.571.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình Giao Thông	131.443.750	131.443.750
Công ty TNHH Trí Việt	97.172.650	97.172.650
Ông Huỳnh Hải Bằng	193.400.000	193.400.000
Các khách hàng khác	1.327.889.693	1.841.066.275
	2.286.748.093	2.771.363.675

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH MTV DV Du Lịch Thương Mại Việt An	-	16.761.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Thi Công Cơ Giới Hải Hà	1.906.895.800	-
Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Hoàng Ngọc	65.000.000	24.000.000
Các nhà cung cấp khác	47.515.500	4.000.000
	2.019.411.300	44.761.000

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	425.333.500	-	430.908.000	(4.200.000)
Phải thu tiền lương chi vượt	19.200.000	(19.200.000)	19.200.000	(19.200.000)
Phải thu khác	29.080.394	(28.538.984)	29.080.394	-
	473.613.894	(47.738.984)	479.188.394	(23.400.000)

5.6 Nợ xấu**Các khoản nợ phải thu quá hạn thu hồi**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Các bên liên quan				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	10.652.000	-	-	-
Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm				
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	-	-	29.058.000	14.529.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Nợ phải thu chưa quá hạn 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu tiền bán hàng của Đội bóng tỉnh Đồng Tháp			468.571.000	-
Ông Huỳnh Hải Đăng			188.400.000	56.520.000
Phải thu các khách hàng khác			-	-
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Phải thu Công ty CP Xây Dựng Công Trình Giao Thông	131.443.750	-	131.443.750	-
Phải thu Công ty TNHH Trí Việt	97.172.650	-	97.172.650	-
Ông Nguyễn Văn Việt Hà	36.608.309	-	36.608.309	-
Ông Nguyễn Thanh Hùng	18.164.000	-	18.164.000	-
Đội bóng tỉnh Đồng Tháp	459.851.000	-	-	-
Ông Nguyễn Hải Bằng	88.400.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	90.040.678	-	82.276.423	-
Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm				
Ông Nguyễn Đoàn Anh Tuấn	-	-	17.275.694	5.182.708
Phải thu các khách hàng khác	3.611.700	1.083.510	286.000	85.800
Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm				
Phải thu các khách hàng khác	22.339.000	11.169.500	22.926.043	11.463.021
Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm				
Phải thu các khách hàng khác	21.322.000	14.925.400	-	-
	979.605.087	27.178.410	1.092.181.869	87.780.529

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	(1.004.401.340)	-	(1.004.401.340)
Hoàn nhập dự phòng	51.974.663	-	51.974.663
Tại ngày 31/12/2018	(952.426.677)	-	(952.426.677)

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	66.034.527	-	66.166.170	-
Hàng hóa	98.979.456	-	132.935.819	-
	165.013.983	-	199.101.989	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	14.205.664	21.381.045
	14.205.664	21.381.045

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	979.052.760	1.352.704.728
	979.052.760	1.352.704.728

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	18.583.444.264	2.017.268.182	568.739.727	40.850.000	21.210.302.173
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	18.583.444.264	2.017.268.182	568.739.727	40.850.000	21.210.302.173
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	7.202.876.040	485.776.842	142.184.933	40.850.000	7.871.687.815
Khấu hao trong năm	790.632.945	194.460.152	56.873.973	-	1.041.967.070
Tại ngày 31/12/2018	7.993.508.985	680.236.994	199.058.906	40.850.000	8.913.654.885
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	11.380.568.224	1.531.491.340	426.554.794	-	13.338.614.358
Tại ngày 31/12/2018	10.589.935.279	1.337.031.188	369.680.821	-	12.296.647.288
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Tại ngày 01/01/2018	73.400.000	-	-	40.850.000	114.250.000
Tại ngày 31/12/2018	73.400.000	-	-	40.850.000	114.250.000

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	33.670.245.000	40.000.000	33.710.245.000
Tại ngày 31/12/2018	33.670.245.000	40.000.000	33.710.245.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	-	40.000.000	40.000.000
Tại ngày 31/12/2018	-	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	33.670.245.000	-	33.670.245.000
Tại ngày 31/12/2018	33.670.245.000	-	33.670.245.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Tại ngày 01/01/2018	-	40.000.000	40.000.000
Tại ngày 31/12/2018	-	40.000.000	40.000.000

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dầu Khí Đồng Tháp	570.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Ông Nguyễn Tấn Dương	247.907.500	118.431.700
Bà Lê Thị Tú Uyên	-	68.360.000
Ông Nguyễn Văn Thái	197.959.400	134.987.600
Bà Mai Ngọc Lan	63.220.000	-
Các nhà cung cấp khác	50.959.000	-
	1.130.045.900	321.779.300

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng ứng trước tiền đặt tiệc	387.264.263	207.904.000
	387.264.263	207.904.000

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	254.212.554	-	2.652.892.861	(2.723.352.731)	183.752.684	-
Thuế TNDN	149.117.283	-	425.657.632	(470.629.691)	104.145.224	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.232.067	11.520.497	(9.359.000)	-	70.570
Thuế nhà đất	-	-	19.501.605	(19.501.605)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	403.329.837	2.232.067	3.113.572.595	(3.226.843.027)	287.897.908	70.570

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho lĩnh vực kinh doanh nhà hàng và cho thuê khách sạn 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Thuế thu nhập doanh nghiệp***Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

	2018	2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.046.988.160	2.875.590.729
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	81.300.000	56.807.505
- Các khoản điều chỉnh tăng	81.300.000	151.007.505
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(94.200.000)
Thu nhập tính thuế	2.128.288.160	2.932.398.234
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	425.657.632	586.479.647

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty đang áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả các tổ chức khác		
Tiền điện	-	119.255.200
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	30.000.000	30.000.000
	30.000.000	149.255.200

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	393.837.000
Bảo hiểm xã hội	-	24.491.500
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	83.534.370	
	83.534.370	418.328.500

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược	73.400.000	263.400.000
	73.400.000	263.400.000

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.16.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.16.2)	-	-	86.604.000	86.604.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>86.604.000</u>	<u>86.604.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2018	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	86.604.000	-	(86.604.000)	-
	<u>86.604.000</u>	<u>-</u>	<u>(86.604.000)</u>	<u>-</u>

5.16.2 Vay dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	-	223.707.000	223.707.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	-	(86.604.000)	(86.604.000)
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>137.103.000</u>	<u>137.103.000</u>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2018			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 01/01/2018			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	223.707.000	86.604.000	137.103.000
	<u>223.707.000</u>	<u>86.604.000</u>	<u>137.103.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn tại ngân hàng như sau:

	01/01/2018	Số tiền vay trả trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND
Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – CN Đồng Tháp	137.103.000	(137.103.000)	-
	137.103.000	(137.103.000)	-

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2018	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	-	-	11.700.000	(1.300.000)	10.400.000
Quỹ phúc lợi xã hội	24.760.354	228.911.108	-	(232.569.380)	21.102.082
	24.760.354	228.911.108	11.700.000	(233.869.380)	31.502.082

5.18 **Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Năm trước					
	Tại ngày 01/01/2018	Lãi trong năm	Trích lập các quỹ	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bổ sung 2016	Chia cổ tức	Tại ngày 31/12/2018
Vốn đầu tư	52.000.000.000	234.060.200	-	-	-	52.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	234.060.200	(360.000.000)	1.163.113.947	103.892.076	-	234.060.200
Cổ phiếu quỹ	(360.000.000)	-	-	-	-	(360.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	1.267.006.023	-	-	-	-	1.267.006.023
Lợi nhuận chưa phân phối	2.314.383.555	714.925.933	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	2.314.383.555
Cộng	55.455.449.778	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	55.455.449.778
	52.000.000.000	234.060.200	(360.000.000)	1.267.006.023	2.314.383.555	52.000.000.000
	234.060.200	234.060.200	(360.000.000)	1.267.006.023	2.314.383.555	234.060.200
	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)
	1.610.372.685	1.267.006.023	1.267.006.023	1.267.006.023	1.267.006.023	1.610.372.685
	2.713.641.313	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	2.713.641.313
	56.198.074.198	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	56.198.074.198
	52.000.000.000	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	52.000.000.000
	234.060.200	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	234.060.200
	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)	(360.000.000)
	1.610.372.685	1.267.006.023	1.267.006.023	1.267.006.023	1.267.006.023	1.610.372.685
	2.713.641.313	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	2.713.641.313
	56.198.074.198	53.752.100.080	2.289.111.082	(103.892.076)	(69.261.384)	56.198.074.198

Tại ngày 01/01/2018
 Lãi trong năm
 Trích lập các quỹ
 Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bổ sung 2016
 Chia cổ tức
 Tại ngày 31/12/2018

Tại ngày 01/01/2018
 Lãi trong năm
 Trích lập các quỹ
 Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bổ sung 2017
 Chia cổ tức
 Tại ngày 31/12/2018

TP. HCM
 NHAN
 LỊCH
 VI TOÁN
 KIỂM HỌA
 NG TY
 9995.7

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết vốn góp của Cổ đông

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	42.932.000.000	82,56	42.932.000.000	82,56
Bà Huỳnh Mộng Kiều	4.383.000.000	8,43	4.383.000.000	8,43
Vốn cổ phần đã được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ)	(350.000.000)	(0,67)	(350.000.000)	(0,67)
Vốn các cổ đông khác	5.035.000.000	9,68	5.035.000.000	9,68
	52.000.000.000	100,00	52.000.000.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
• Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(35.000)	(35.000)
• Cổ phiếu phổ thông	(35.000)	(35.000)
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.165.000	5.165.000
• Cổ phiếu phổ thông	5.165.000	5.165.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 24 tháng 04 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 516.500.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 343.366.662
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 228.911.108
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	114.455.000

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số công nợ phải thu khó đòi đã được xử lý là 61.853.600 VND. Nguyên nhân xóa nợ là do Công ty nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.725.999.090	1.996.429.750
Doanh thu bán thành phẩm	21.838.479.546	24.094.913.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.515.994.374	14.112.879.381
	35.080.473.010	40.204.222.980

6.2 Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.295.138.008	1.373.833.483
Giá vốn thành phẩm đã bán	15.029.580.252	16.229.681.319
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	10.542.294.338	12.142.798.074
	26.867.012.598	29.746.312.876

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	462.675.607	411.674.125
	462.675.607	411.674.125

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	12.830.386	32.041.452
	12.830.386	32.041.452

6.5 Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	2.130.558.076	2.179.368.608
Chi phí bán hàng khác	162.167.391	749.904.203
	2.292.725.467	2.929.272.811

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.406.204.900	3.241.791.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.812.199	176.601.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.873.976	56.873.976
Thuế, phí và lệ phí	42.937.805	38.311.069
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập) dự phòng	(51.974.663)	110.426.961
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.123.766.351	1.378.298.716
	4.621.620.568	5.002.303.237

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7 Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Xử lý khoản bồi thường của các năm trước	147.930.000	-
Thu tiền sửa chữa hộ tài sản	144.301.244	-
Các khoản thu nhập khác	19.772.727	9.624.000
	312.003.971	9.624.000

6.8 Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Chi phí khác	13.975.409	40.000.000
	13.975.409	40.000.000

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.602.490.528	2.289.111.082
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(298.172.492)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.602.490.528	1.990.938.590
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.044.167	13.044.167
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	123	153

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.795.263.670	16.754.081.160
Chi phí nhân công	9.611.549.878	8.759.623.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.041.967.070	990.110.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.920.081	3.997.768.301
Chi phí khác	1.651.936.306	2.774.127.112
	30.138.637.005	33.275.710.086

7 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Các khoản vay và nợ			
Phải trả người bán	1.130.045.900	-	1.130.045.900
Chi phí phải trả	30.000.000	-	30.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	83.534.370	73.400.000	156.934.370
	1.243.580.270	73.400.000	1.316.980.270
Ngày 1 tháng 1 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	86.604.000	137.103.000	223.707.000
Phải trả người bán	321.779.300	-	321.779.300
Chi phí phải trả	149.255.200	-	149.255.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	393.837.000	263.400.000	657.237.000
	951.475.500	400.503.000	1.351.978.500

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2018 và 31/12/2017.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.000.000.000	6.700.000.000	8.000.000.000	6.700.000.000
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	1.326.372.710	1.769.447.671	1.326.372.710	1.769.447.671
Phải thu các bên liên quan	66.339.000	39.710.000	66.339.000	39.710.000
Các khoản phải thu khác	542.100	6.085.058	542.100	6.085.058
Các khoản phải thu dài hạn khác	65.000.000	-	65.000.000	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.607.240.742	2.327.461.399	1.607.240.742	2.327.461.399
	11.065.494.552	10.042.704.12	11.065.494.552	10.042.704.12

AA89
CỘNG
HÒA
KIỂM
C VII
CHÍNH
CÁN
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	-	223.707.000	-	223.707.000
Phải trả các bên liên quan	570.000.000	-	570.000.000	-
Phải trả người bán	560.045.900	321.779.300	560.045.900	321.779.300
Chi phí phải trả	30.000.000	149.255.200	30.000.000	149.255.200
Phải trả khác	156.934.370	657.237.000	156.934.370	657.237.000
	1.316.980.270	1.351.978.500	1.316.980.270	1.351.978.500

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

8.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh nhà hàng
- Hoạt động kinh doanh khách sạn và các dịch vụ ăn uống khác.

Năm 2018	Nhà hàng	Khách sạn	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.838.479.546	8.255.073.639	4.986.919.825	35.080.473.010
Chi phí bộ phận	(15.029.580.252)	(7.794.379.526)	(4.043.052.820)	(26.867.012.598)
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.808.899.294	460.694.113	943.867.005	8.213.460.412
Chi phí không phân bổ				(6.914.346.035)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.299.114.377
Thu nhập hoạt động tài chính				462.675.607
Chi phí hoạt động tài chính				(12.830.386)
Thu nhập khác				312.003.971
Chi phí khác				(13.975.409)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(425.657.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(18.840.000)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.602.490.528
Vào ngày 31/12/2018				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận không phân bổ				60.738.913.527
Tổng tài sản				60.738.913.527
Nợ phải trả không phân bổ				4.540.839.329
Tổng nợ phải trả				4.540.839.329

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Năm 2017	Nhà hàng VND	Khách sạn VND	Khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.091.343.599	10.018.766.688	4.094.112.693	40.204.222.980
Chi phí bộ phận	(17.599.339.663)	(8.569.035.249)	(3.577.937.964)	(29.746.312.876)
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.492.003.936	1.449.731.439	516.174.729	10.457.910.104
Chi phí không phân bổ				(7.931.576.048)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.526.334.056
Thu nhập hoạt động tài chính				411.674.125
Chi phí hoạt động tài chính				(32.041.452)
Thu nhập khác				9.624.000
Chi phí khác				(40.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(586.479.647)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.289.111.082
Vào ngày 31/12/2017				
Tài sản và nợ phải trả				59.976.037.770
Tài sản của bộ phận không phân bổ				59.976.037.770
Tổng tài sản				
Nợ phải trả không phân bổ				4.520.587.992
Tổng nợ phải trả				4.520.587.992

8.2 Thông tin về khu vực địa lý

Thông tin thuyết minh về khu vực địa lý chỉ xảy ra tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2018 VND	2017 VND
Chia cổ tức	900.000	870.000

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh tại ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH MỸ TRÀ

Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2018 VND	2017 VND
Tiền lương, thưởng	728.048.338	538.689.183
Thù lao	230.640.000	228.000.000
	958.688.338	766.689.183

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Giao dịch với Công ty mẹ**

	2018 VND	2017 VND
Thuê tài sản	2.072.727.273	2.018.181.818
Cung cấp dịch vụ	141.953.727	677.372.727
Trả cổ tức	429.320.000	429.320.000

Công nợ với Công ty mẹ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	76.991.000	39.710.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

9.2 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 04 năm 2018.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2017 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2017 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	175	(22)	153

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



HUYỀN ANH THƯ
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



TRẦN VĂN HÙNG
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 04 tháng 03 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TRẦN VĂN HÙNG